

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/DS-ST  
Ngày: 18/12/2020  
V/v “T/c hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vương Hoàng Phúc
2. Bà Trần Thị Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Không tham gia

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 8 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 2 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 20A6 khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp cho chị L: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 96/6 Lê Lợi, phường 4, quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974; Nguyễn Thị Mỹ Thanh, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Thái B, sinh năm 1977  
Địa chỉ: Số 20A6 khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp cho anh B: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982.  
Địa chỉ: số 96/6 Lê Lợi, phường 4, quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ng đại diện ủy quyền của chị Phan Thị Mỹ L như sau:**

Chị L và anh B có bán thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp cho chị Thanh và anh T. Hai bên thỏa thuận phía chị L và anh B cung cấp thuốc thức ăn theo yêu cầu của anh T và anh T thanh toán tiền thuốc, thức ăn khi thu hoạch xong. Bắt đầu giao thức ăn từ ngày 20/7/2017 đến ngày 15/2/2020 thì chị Thanh và anh T còn nợ lại số tiền 101.327.500 đồng. Chị L đòi nhiều lần nhưng chị Thanh và anh T không trả nên chị L làm đơn khởi kiện. Trong quá trình khởi kiện anh T và chị Thanh trả được số tiền 40.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 61.327.500 đồng. Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị Thanh và anh T trả số tiền 61.327.500 đồng, không yêu cầu tính lãi

Do bận công việc không đến tòa được nên chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt

**Phía chị Nguyễn Thị Mỹ Thanh và anh Nguyễn Thanh T:** Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết về việc khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: các đương sự tranh chấp hợp đồng mua bán. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Thanh, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L. Hội đồng xử án xét thấy:

Chị L và anh B có bán thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp cho chị Thanh và anh T. Trong quá trình mua bán thì phía anh T và chị Thanh còn nợ lại chị L số tiền 61.327.500 đồng. Phía chị L có lập bảng chi tiết công nợ của anh T thể hiện ngày giao hàng, lượng hàng, số tiền và ghi số tiền anh T còn nợ lại và anh T

có ký tên vào bảng chi tiết công nợ. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh T và chị Thanh nội dung thông báo có ghi số tiền chị L khởi kiện anh T, chị Thanh nhận được nhưng không có ý kiến. Từ đó cho thấy hợp đồng mua bán giữa chị L và anh T là có thật. Sau khi thu hoạch và bán tằm xong anh T và chị Thanh không trả tiền cho chị Mỹ L như hai bên thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L và anh B nên chị L khởi kiện yêu cầu chị Thanh và anh T trả số tiền 61.327.500đồng là có căn cứ chấp nhận

Về án phí: Buộc anh T và chị Thanh phải chịu án phí theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430; 440; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ Thanh và anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B số tiền 61.327.500 đồng

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Phan Thị Mỹ L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành số tiền 2.533.000đồng theo biên lai số 0000152 ngày 26/8/2020. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ Thanh và anh Nguyễn Thanh T nộp 3.066.000đồng.

Án xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Thu Hằng**